

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ  
& TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07./2025/CBTT-VNTT

Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2025

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Ủy ban chứng khoán Nhà nước

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) riêng năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Ủy ban chứng khoán Nhà nước như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

- Mã chứng khoán: TTN

- Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, KCN Việt Nam – Singapore 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

- Điện thoại liên hệ/Tel: 0274.2220399

Fax: .....

- Email: [cbtt@vntt.com.vn](mailto:cbtt@vntt.com.vn)

Website: [vntt.com.vn](http://vntt.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2024

☐ BCTC (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC riêng (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán):

☐ Có

☐ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):

☐ Có

☐ Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 27..03/2025 tại đường dẫn: <https://vntt.com.vn/bao-cai-tai-chinh/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC riêng năm 2024;
- Văn bản giải trình.

**Đại diện tổ chức**

Người đại diện theo pháp luật

**Tổng Giám đốc**



**PHẠM TUẤN ANH**





**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Số: 149/CV-VNTT

V/v giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế BCTC riêng  
Năm 2024 so với năm 2023 của công ty đại chúng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bình Dương, ngày 27 tháng 03 năm 2025

**Kính gửi : ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Tên công ty: Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam  
Mã chứng khoán: TTN  
Địa chỉ trụ sở chính: 21 VSIP II, đường số 1, khu công nghiệp Việt Nam –  
Singapore II, P. Hòa Phú, TP.Thủ Dầu Một, Bình Dương  
Điện thoại: 0274 2220 222  
Fax: 0274 3635 200

- Căn cứ: Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam xin giải trình nguyên nhân chính làm biến động lợi nhuận sau thuế của BCTC riêng năm 2024 tăng 71% so với năm 2023 như sau:

- |                                      |                     |
|--------------------------------------|---------------------|
| - Lợi nhuận sau thuế riêng năm 2023: | 35.330.995.777 đồng |
| - Lợi nhuận sau thuế riêng năm 2024: | 60.406.299.886 đồng |

**Nguyên nhân:**

- Hoàn nhập trích lỗ từ công ty con là Công ty TNHH Giải pháp VNTT tương đương 1,4 tỷ đồng trong khi cùng kỳ năm trước trích lỗ gần 6,5 tỷ đồng.
- Nhóm dịch vụ kinh doanh chủ lực là dịch vụ viễn thông và dịch vụ Data center, công nghệ thông tin đều duy trì mức tăng trưởng cao, tăng 13,5% tương đương 30,1 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước, đây là nhóm kinh doanh chính mang lại lợi nhuận cho công ty. Trong khi nhóm dịch vụ thi công, bán lẻ với biên lợi nhuận thấp thì doanh thu giảm 30,1% tương đương giảm 36,9 tỷ đồng.
- Kiểm soát hiệu quả các chi phí đầu vào cũng như giảm được chi phí khấu hao TSCĐ do một số tài sản đã hết khấu hao làm cho chi phí giá vốn giảm so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là báo cáo giải trình của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam giải trình về việc biến động lợi nhuận sau thuế của BCTC riêng năm 2024 so với năm 2023.

Trân trọng !

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**



**Phạm Tuấn Anh**



TOTRINHCG925030286

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG**  
**VIỆT NAM**



## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 - 5</b>
<b>3. Báo cáo kiểm toán độc lập</b>	<b>6</b>
<b>4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>7 - 10</b>
<b>5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>11</b>
<b>6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>12 - 13</b>
<b>7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024</b>	<b>14 - 45</b>
<b>8. Phụ lục</b>	<b>46 - 55</b>

\*\*\*\*\*

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### **Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700861497, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 08 tháng 8 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

### **Trụ sở chính**

- Địa chỉ : 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- Điện thoại : (84 - 274) 3 635 201
- Fax : (84 - 274) 3 635 200

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm Dịch vụ Viễn thông - Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam Văn phòng đại diện tại TP. Hải Phòng – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam Văn phòng đại diện tại Quảng Ngãi – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam Văn phòng đại diện tại Nghệ An – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 2, Đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Số 3, đường Bắc Nam, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, xã An Lữ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng. Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Số 11, Đường số 1, Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống;
- Sản xuất, lắp ráp, xuất nhập khẩu, bảo hành, bảo dưỡng và kinh doanh các thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử, tự động, viễn thông, thiết bị văn phòng và dân dụng;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Bán buôn vật liệu xây dựng (trừ hoạt động bến thủy nội địa);
- Hoạt động truyền hình;
- Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác;
- Dịch vụ viễn thông;
- Hoạt động viễn thông không dây;
- Hoạt động viễn thông vệ tinh;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Lắp trình máy vi tính;
- Cung cấp các dịch vụ tư vấn về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin;



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Công thông tin;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; Công trình phòng cháy chữa cháy; Công trình điện tử;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bán buôn thiết bị văn phòng và dân dụng;
- Đào tạo chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Khảo sát, tư vấn các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; Công trình điện, điện tử; Công trình điện lạnh; Công trình cấp thoát nước; Công trình phòng cháy chữa cháy;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động thông tấn;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp;
- Vệ sinh chung nhà cửa;
- Vệ sinh nhà cửa và những công trình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp;
- Sản xuất điện mặt trời.

## Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023
Bà Võ Thị Thanh Hương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Ông Phạm Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Ông Quảng Văn Viết Cương	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Bá Thước	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Ông Nguyễn Hải Hoàng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 20 tháng 4 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Thanh Trà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2023

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Phạm Tuấn Anh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 8 năm 2022
Ông Lê Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2025
Ông Lai Xuân Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2024
Ông Nguyễn Châu Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2024

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Tuấn Anh – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 8 năm 2022).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Phạm Tuấn Anh**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 26 tháng 3 năm 2025





Số: 1.0639/25/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2025, từ trang 07 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C****Hoàng Thái Vượng****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2129-2023-008-1

Người được ủy quyền

**Nguyễn Thị Phước Tiên****Kiểm toán viên**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1199-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2025



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>411.935.884.767</b>	<b>365.712.604.083</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>38.811.252.844</b>	<b>48.809.915.063</b>
1. Tiền	111		33.811.252.844	17.809.915.063
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	31.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>155.000.000.000</b>	<b>79.000.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	155.000.000.000	79.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>104.309.260.677</b>	<b>152.082.221.868</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	83.411.715.548	135.620.986.900
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6.686.762.380	3.510.044.822
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	18.616.123.684	17.160.818.152
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(4.405.340.935)	(4.209.628.006)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>110.974.921.828</b>	<b>83.434.545.868</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	110.974.921.828	83.434.545.868
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.840.449.418</b>	<b>2.385.921.284</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.275.043.008	1.854.682.714
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	565.406.410	531.238.570
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>165.887.855.442</b>	<b>164.925.580.705</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>231.204.474</b>	<b>144.752.979</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	231.204.474	144.752.979
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>112.097.132.270</b>	<b>121.949.660.746</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	105.795.242.452	114.343.778.368
- Nguyên giá	222		358.096.475.240	336.726.672.810
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(252.301.232.788)	(222.382.894.442)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	6.301.889.818	7.605.882.378
- Nguyên giá	228		18.697.924.382	18.680.676.382
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.396.034.564)	(11.074.794.004)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>32.491.050.965</b>	<b>21.137.274.580</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	32.491.050.965	21.137.274.580
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>12.827.821.488</b>	<b>11.443.467.774</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	25.000.000.000	25.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(12.172.178.512)	(13.556.532.226)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.240.646.245</b>	<b>10.250.424.626</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	8.240.646.245	10.250.424.626
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>577.823.740.209</b>	<b>530.638.184.788</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>99.720.376.879</b>	<b>82.668.942.568</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>90.190.540.773</b>	<b>74.364.567.666</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	35.811.254.936	17.437.653.113
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	1.354.775.451	3.323.551.499
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	6.457.333.414	10.309.824.804
4. Phải trả người lao động	314	V.15	10.085.290.652	8.817.507.495
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	9.250.173.026	8.656.635.468
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	11.725.477.705	9.377.355.661
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a,c	11.610.815.171	11.984.621.125
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.19a	1.299.132.608	2.189.455.267
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	2.596.287.810	2.267.963.234
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.529.836.106</b>	<b>8.304.374.902</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	1.132.268.680	1.202.184.800
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b,c	8.105.916.426	6.655.857.021
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.19b	291.651.000	446.333.081
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bảng cân đối kế toán** (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>478.103.363.330</b>	<b>447.969.242.220</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>478.103.363.330</b>	<b>447.969.242.220</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	367.275.000.000	367.275.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		367.275.000.000	367.275.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	(382.600.000)	(382.600.000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.21	46.213.087.998	42.900.159.222
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.21	439.285.060	439.285.060
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	64.558.590.272	37.737.397.938
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.152.290.386	37.737.397.938
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		60.406.299.886	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>577.823.740.209</b>	<b>530.638.184.788</b>

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2025

  
Vi Ngọc Đại  
Người lập  
Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng  
Phạm Tuấn Anh  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	357.222.118.000	361.705.543.801
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		357.222.118.000	361.705.543.801
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	239.552.785.062	276.723.366.937
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		117.669.332.938	84.982.176.864
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.681.310.918	5.049.516.458
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	(1.382.884.977)	6.721.433.822
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	238.983.754
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	18.066.413.378	16.438.111.132
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	33.211.466.832	25.065.806.826
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		73.455.648.623	41.806.341.542
11. Thu nhập khác	31	VI.7	2.316.205.126	3.585.807.569
12. Chi phí khác	32	VI.8	249.436.477	1.193.397.500
13. Lợi nhuận khác	40		2.066.768.649	2.392.410.069
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		75.522.417.272	44.198.751.611
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	15.116.117.386	8.867.755.834
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		60.406.299.886	35.330.995.777
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9		

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Vi Ngọc Đại  
Người lậpNguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởngPhạm Tuấn Anh  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		75.522.417.272	44.198.751.611
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	31.239.578.906	35.043.788.815
- Các khoản dự phòng	03	V.2b, V.6, V.19	(2.233.645.525)	6.781.959.875
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3, VI.4	(58.550.230)	8.770.641
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.7, VI.8	(5.183.345.201)	(5.136.198.592)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	-	238.983.754
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		99.286.455.222	81.136.056.104
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		48.744.294.135	(24.894.503.497)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(27.540.375.960)	39.384.096.386
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10.871.600.021	4.625.732.661
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.589.418.087	(242.075.291)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(251.576.163)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(13.974.282.236)	(7.158.231.312)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.20	5.400.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18a, V.20, V.21	(4.390.004.200)	(3.423.279.165)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>114.592.505.069</b>	<b>89.176.219.723</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10, V.11, VII	(26.731.385.541)	(16.004.805.701)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	3.239.094.577
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	(175.000.000.000)	(124.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2a	99.000.000.000	53.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.3	3.717.032.873	4.369.609.595
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>(99.014.352.668)</b>	<b>(79.396.101.529)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương


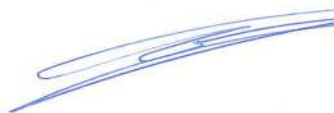
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(9.676.271.500)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18, V.21	(25.635.364.850)	(25.170.838.150)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(25.635.364.850)</b>	<b>(34.847.109.650)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(10.057.212.449)</b>	<b>(25.066.991.456)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>48.809.915.063</b>	<b>73.885.677.160</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		58.550.230	(8.770.641)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>38.811.252.844</b>	<b>48.809.915.063</b>

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2025

  
Vi Ngọc Đại  
Người lập  
Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng  
Phạm Tuấn Anh  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống; Khảo sát, tư vấn và thi công, lắp đặt các công trình: viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; công trình điện, điện tử, công trình điện lạnh, công trình cấp thoát nước, công trình phòng cháy chữa cháy; Phân phối, đại lý kinh doanh hàng hóa và thiết bị: điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin, vật liệu xây dựng, văn phòng và dân dụng, kinh doanh bất động sản.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Cấu trúc Công ty

###### Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Giải pháp VNTT có trụ sở chính tại số 2, đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là xuất bản phần mềm. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702979423, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 5 năm 2021 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15 tháng 4 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 100%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã thực hiện góp vốn 100% vào công ty con.

###### Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm Dịch vụ Viễn thông – Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 2, Đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ – Đô thị Bình Dương, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
Văn phòng đại diện tại TP. Hải Phòng – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 3, đường Bắc Nam, Khu đô thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, xã An Lữ, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.
Văn phòng đại diện tại Quảng Ngãi – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.
Văn phòng đại diện tại Nghệ An – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 11, Đường số 1, Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

##### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 294 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 290 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu cước dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình trả sau, bán lẻ hàng hóa theo hình thức trả chậm/trả góp của các cá nhân đã quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 tháng đến dưới 06 tháng.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 09 tháng.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 09 tháng đến dưới 12 tháng.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 12 tháng trở lên.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán khác:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất, vật tư, thiết bị khảo sát và chi phí xây dựng, sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

##### *Chi phí thuê đất*

Chi phí thuê đất là khoản tiền thuê đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Chi phí thuê đất được phân bổ theo thời hạn qui định trên hợp đồng thuê đất.

##### *Vật tư, thiết bị khảo sát*

Vật tư, thiết bị lắp đặt công trình đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

##### *Chi phí xây dựng, sửa chữa*

Chi phí xây dựng, sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### 8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	02 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05

### 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 05 năm.

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

#### *Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát*

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

### 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ có dự phòng bảo hành công trình xây dựng.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 03% trên tổng giá trị công trình (năm trước là 03%). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

### 15. Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

### 17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### ***Doanh thu bán hàng hóa***

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### ***Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền***

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

#### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **18. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### **19. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **20. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	611.134.349	737.211.979
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.200.118.495	17.072.703.084
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	5.000.000.000	31.000.000.000
Cộng	38.811.252.844	48.809.915.063

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản tiền gửi kỳ hạn 06 đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.

2b. Đầu tư vào công ty con

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3702979423, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 5 năm 2021 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 15 tháng 4 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Giải pháp VNTT với tổng số tiền là 25.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty TNHH Giải pháp VNTT.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty TNHH Giải pháp VNTT đang trong giai đoạn đầu hoạt động, chưa phát sinh lãi.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	13.556.532.226	7.084.534.654
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	(1.384.353.714)	6.471.997.572
Số cuối năm	12.172.178.512	13.556.532.226



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

*Giao dịch với công ty con*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với Công ty TNHH Giải pháp VNTT như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cung cấp hàng hóa và dịch vụ	4.790.000	4.790.000
Mua máy tính	3.321.189	-
Phí bảo trì phần mềm	-	1.134.750.000
Mua phần mềm	-	1.139.606.376

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><i>52.647.127.678</i></b>	<b><i>116.620.513.228</i></b>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	21.959.311.925	28.320.682.963
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	9.039.851.162	12.468.672.369
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	5.632.469.997	3.490.724.694
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex – Vsp	3.547.743.486	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	3.173.930.855	20.982.584.810
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	2.980.233.050	12.412.304.805
Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước	1.782.958.800	1.650.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	1.023.548.500	1.570.476.043
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	1.682.921.302	16.977.365.868
Trung tâm Kinh doanh VNPT - Bình Dương - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	475.972.812	694.513.513
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	366.886.322	337.064.521
Công ty TNHH Becamex Tokyu	305.249.716	1.458.791.982
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	182.743.114	16.796.476.785
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	158.955.800	3.755.400
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	129.504.321	70.899.495
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	121.170.100	560.833.640
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	28.810.000	296.903.000
Viễn thông Bình Dương	23.056.416	107.372.340
Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương	7.770.000	9.310.000
Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu	6.000.000	6.000.000
Công ty TNHH MTV Aspire	5.500.000	5.500.000
Công ty Cổ phần Câu lạc bộ Bóng đá Becamex Bình Dương	3.740.000	3.652.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam – Singapore	2.750.000	3.025.000
Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Nhựa Bình Dương	2.750.000	2.750.000
Công ty Cổ phần Điện lực Becamex Bình Phước	1.650.000	37.554.000
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	1.650.000	1.650.000
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b><i>30.764.587.870</i></b>	<b><i>19.000.473.672</i></b>
<b>Cộng</b>	<b><u>83.411.715.548</u></b>	<b><u>135.620.986.900</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Điện lực Bình Dương	1.628.237.055	1.107.357.290
Công ty TNHH Hạ tầng Truyền thông Số	1.117.703.473	430.264.676
Công ty TNHH Tư vấn Dịch vụ Kỹ thuật Xây dựng Đông Tây	334.491.260	592.734.000
Công ty Cổ phần Phần mềm Viễn thông Miền Nam	-	411.840.000
Các nhà cung cấp khác	3.606.330.592	967.848.856
<b>Cộng</b>	<b>6.686.762.380</b>	<b>3.510.044.822</b>

#### 5. Phải thu khác

##### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>521.031.748</b>	-	<b>522.026.673</b>	-
Ông Lê Xuân Vinh - Tạm ứng	453.878.200	-	453.878.200	-
Công ty TNHH BW Supply Chain City - Phải thu phí dịch vụ	20.000	-	20.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex - VSIP - Phải thu phí dịch vụ	51.627	-	-	-
Công ty TNHH MTV Aspire - Phải thu phí dịch vụ	60.600	-	60.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị - Phải thu phí dịch vụ	61.818	-	63.787	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Phải thu phí dịch vụ	63.951	-	82.289	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước - Phải thu phí dịch vụ	70.910	-	83.169	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - Phải thu phí dịch vụ	80.000	-	81.162	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex - Phải thu phí dịch vụ	110.340	-	77.121	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công Nghiệp - CTCP - Phải thu phí dịch vụ	140.200	-	229.849	-
Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu - Phải thu phí dịch vụ	158.158	-	146.973	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu Công Nghiệp Việt Nam - Singapore - Phải thu phí dịch vụ	180.000	-	160.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương - Phải thu phí dịch vụ	300.800	-	300.200	-
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex - Phải thu phí dịch vụ	359.790	-	346.551	-
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex - Phải thu phí dịch vụ	398.751	-	392.804	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex - Phải thu phí dịch vụ	449.689	-	724.871	-
Công ty TNHH Becamex Tokyu - Phải thu phí dịch vụ	564.244	-	1.010.459	-
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông - Phải thu phí dịch vụ	974.670	-	1.261.238	-
Công ty TNHH BW Supply Chain City - Ký quỹ, ký cược	63.108.000	-	63.108.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>18.095.091.936</b>	<b>(2.309.450.910)</b>	<b>16.638.791.479</b>	<b>(2.309.450.910)</b>
Tạm ứng	11.831.522.568	-	14.204.857.973	(2.309.450.910)
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	117.163.088	-	54.415.635	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.630.254.794	-	1.163.942.466	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.516.151.486	(2.309.450.910)	1.215.575.405	-
<b>Cộng</b>	<b>18.616.123.684</b>	<b>(2.309.450.910)</b>	<b>17.160.818.152</b>	<b>(2.309.450.910)</b>

**5b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>142.315.528</b>	-	<b>70.480.328</b>	-
Công ty TNHH MTV Aspire - Ký quỹ dài hạn	61.835.200	-	-	-
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định - Ký quỹ dài hạn	51.000.000	-	51.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước - Ký quỹ dài hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công Nghiệp - CTCP - Ký quỹ dài hạn	10.000.000	-	-	-
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore - Ký quỹ dài hạn	9.480.328	-	9.480.328	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>88.888.946</b>	-	<b>74.272.651</b>	-
<b>Cộng</b>	<b>231.204.474</b>	-	<b>144.752.979</b>	-

**6. Nợ xấu**

Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là cá nhân				
<i>Từ 03 đến 06 tháng</i>	203.002	142.101	6.497.707	4.548.395
<i>Từ 06 đến 09 tháng</i>	66.474.509	33.237.255	96.507.704	48.253.852
<i>Từ 09 đến 12 tháng</i>	139.472.136	41.841.641	145.682.789	43.704.837
<i>Trên 12 tháng</i>	789.415.055	-	684.878.158	-
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là tổ chức				
<i>Dưới 01 năm</i>	-	-	3.762.000	2.633.400
<i>Từ trên 01 năm đến dưới 02 năm</i>	15.994.660	7.997.330	512.164.723	256.082.362
<i>Từ trên 02 năm đến dưới 03 năm</i>	511.598.709	153.479.613	18.772.747	5.631.824
<i>Trên 03 năm</i>	537.193.968	-	520.530.012	-
Phải thu khác của các cá nhân				
<i>Trên 03 năm</i>	2.309.450.910	-	-	-
Tiền tạm ứng phải thu của các cá nhân				
<i>Trên 03 năm</i>	453.878.200	453.878.200	2.763.329.110	453.878.200
Tiền trả trước cho các nhà cung cấp				
<i>Trên 03 năm</i>	272.235.926	-	272.235.926	-
<b>Cộng</b>	<b>5.095.917.075</b>	<b>690.576.140</b>	<b>5.024.360.876</b>	<b>814.732.870</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.209.628.006	3.900.619.219
Trích lập dự phòng	195.712.929	309.008.787
Số cuối năm	4.405.340.935	4.209.628.006

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	42.288.715.963	-	25.404.997.366	-
Công cụ, dụng cụ	100.752.822	-	342.802.822	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	46.062.709.520	-	23.979.328.481	-
Hàng hóa	22.522.743.523	-	33.707.417.199	-
Cộng	110.974.921.828	-	83.434.545.868	-

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	447.345.643	428.730.371
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.827.697.365	1.425.952.343
Cộng	2.275.043.008	1.854.682.714

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	337.924.878	954.182.838
Chi phí thuê đất	6.432.075.470	6.632.109.086
Vật tư, thiết bị khảo sát	32.229.167	16.460.219
Chi phí xây dựng, sửa chữa	196.755.976	77.851.646
Các chi phí trả trước dài hạn khác	1.241.660.754	2.569.820.837
Cộng	8.240.646.245	10.250.424.626

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	18.202.876.457	229.224.043.982	86.442.162.715	1.419.962.190	1.437.627.466	336.726.672.810
Mua trong năm	-	975.962.054	-	-	-	975.962.054
Lệ phí trước bạ	37.793.700	-	-	-	-	37.793.700
Đầu tư XDCB hoàn thành	51.240.000	4.721.407.620	8.826.255.896	6.757.143.160	-	20.356.046.676
Số cuối năm	18.291.910.157	234.921.413.656	95.268.418.611	8.177.105.350	1.437.627.466	358.096.475.240
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.345.971.956	56.013.963.334	19.678.989.242	990.873.062	701.627.000	81.731.424.594
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	8.758.932.786	163.015.336.024	48.473.669.550	1.215.238.546	919.717.536	222.382.894.442
Khấu hao trong năm	1.119.287.502	18.088.514.443	9.998.658.472	540.837.993	171.039.936	29.918.338.346
Số cuối năm	9.878.220.288	181.103.850.467	58.472.328.022	1.756.076.539	1.090.757.472	252.301.232.788
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	9.443.943.671	66.208.707.958	37.968.493.165	204.723.644	517.909.930	114.343.778.368
Số cuối năm	8.413.689.869	53.817.563.189	36.796.090.589	6.421.028.811	346.869.994	105.795.242.452



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

### 10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	3.889.485.692	14.791.190.690	18.680.676.382
Lệ phí trước bạ	17.248.000	-	17.248.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.906.733.692</b>	<b>14.791.190.690</b>	<b>18.697.924.382</b>
<b>Trong đó:</b>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	8.188.487.917	8.188.487.917
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	11.074.794.004	11.074.794.004
Khấu hao trong năm	-	1.321.240.560	1.321.240.560
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>12.396.034.564</b>	<b>12.396.034.564</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	3.889.485.692	3.716.396.686	7.605.882.378
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.906.733.692</b>	<b>2.395.156.126</b>	<b>6.301.889.818</b>
<b>Trong đó:</b>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	3.138.800.000	9.264.785.178	(96.000.000)	-	12.307.585.178
Xây dựng cơ bản dở dang	17.998.474.580	25.131.363.325	(20.260.046.676)	(2.686.325.442)	20.183.465.787
Hạng mục xây dựng, cải tạo phòng giao dịch Mỹ Phước 3	1.500.169.017	1.194.270.752	(1.490.223.315)	(185.653.551)	1.018.562.903
Hạng mục đầu tư hạ tầng mạng Viễn thông cho các Khu dân cư K,J,L,I,H,G Mỹ Phước 3	445.557.765	45.127.690	(417.950.005)	-	72.735.450
Hạng mục đầu tư hạ tầng mạng Viễn thông Mỹ Phước 4	3.593.863.677	211.585.000	(17.517.666)	(20.971.371)	3.766.959.640
Hạng mục thi công hệ thống viễn thông KCN VSIP 2 Mở rộng	227.747.778	99.887.797	(299.651.234)	(27.984.341)	-
Hạng mục xây dựng phòng giao dịch Nghệ An	222.882.871	682.863.872	(854.882.871)	-	50.863.872
Hạng mục cải tạo và bổ sung hạ tầng viễn thông Mỹ Phước 1	346.786.060	-	(345.743.866)	(1.042.194)	-
Hạng mục thi công Hạ tầng Viễn thông khu Dân cư Bàu Bàng	2.282.065.668	1.227.146.076	(806.433.685)	(31.524.072)	2.671.253.987
Hạng mục thi công Cải tạo, xây dựng Trung tâm Dịch vụ Viễn thông	1.245.760.905	-	-	(4.989.926)	1.240.770.979
Hạng mục hệ thống phần cứng và dịch vụ triển khai đào tạo dự án Metro giai đoạn 1	-	6.019.986.000	(6.019.986.000)	-	-
Hạng mục đầu tư hệ thống mạng Metro các POP Bình Dương giai đoạn 2	-	2.271.804.000	(2.271.804.000)	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Hạng mục công trình đầu tư hạ tầng cáp quang viễn thông khu dân cư Thới Hòa - Giai đoạn I	-	308.891.873	(301.431.087)	(7.460.786)	-
Hạng mục đầu tư hệ thống Hệ thống PowerProtect DD6900	-	2.976.367.840	-	-	2.976.367.840
Các công trình khác	8.133.640.839	10.093.432.425	(7.434.422.947)	(2.406.699.201)	8.385.951.116
Cộng	21.137.274.580	34.396.148.503	(20.356.046.676)	(2.686.325.442)	32.491.050.965

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	6.365.800.813	1.597.017.297
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	83.160	10.395
Công ty TNHH Becamex Tokyu	8.313.168	19.762.203
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	30.643.355	426.187.848
Công ty TNHH MTV Aspire	34.009.360	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	38.164.167	26.872.953
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	50.871.517	24.026.372
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	96.514.107	107.729.669
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	200.000.000	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - Xí nghiệp Bê tông Trộn sẵn Mỹ Phước	311.476.006	217.020.005
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	5.595.725.973	-
Công ty TNHH Giải pháp VNTT	-	775.407.852
Phải trả các nhà cung cấp khác	29.445.454.123	15.840.635.816
Chi nhánh - Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Bưu Điện	-	4.092.702.278
Công ty Cổ phần Phân phối Công nghệ Quang Dũng	12.159.964.712	1.474.000
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ ADTECH Việt Nam	3.892.702.480	-
Các nhà cung cấp khác	13.392.786.931	11.746.459.538
Cộng	35.811.254.936	17.437.653.113

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Văn phòng Điều hành NTT Vietnam Corporation tại Bình Dương	-	1.840.167.158
Các khách hàng khác	1.354.775.451	1.483.384.341
Cộng	1.354.775.451	3.323.551.499



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	5.516.472.928	531.238.570	11.513.520.995	(17.013.243.831)	50.917.932	565.406.410
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.497.217.204	-	15.116.117.386	(13.974.282.236)	5.639.052.354	-
Thuế thu nhập cá nhân	296.134.672	-	2.619.474.456	(2.148.246.000)	767.363.128	-
Thuế nhà đất	-	-	87.503.523	(87.503.523)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>10.309.824.804</b>	<b>531.238.570</b>	<b>29.344.616.360</b>	<b>(33.231.275.590)</b>	<b>6.457.333.414</b>	<b>565.406.410</b>

#### **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Phần mềm tin học	Không chịu thuế
- Hàng hóa và dịch vụ khác (*)	8% và 10%

- (\*) Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với một số hàng hóa, dịch vụ là 8% theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2024 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với một số hàng hóa, dịch vụ là 8% theo Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 142/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 của Quốc hội.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	75.522.417.272	44.198.751.611
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	58.169.656	140.027.557
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	75.580.586.928	44.338.779.168
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>15.116.117.386</b>	<b>8.867.755.834</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

### 15. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tiền thưởng còn phải trả cho người lao động.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công trình	2.715.084.177	3.364.120.730
Chi phí doanh thu phân chia phải trả	5.938.524.960	4.843.414.738
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	596.563.889	449.100.000
<b>Cộng</b>	<b>9.250.173.026</b>	<b>8.656.635.468</b>

#### 17. Doanh thu chưa thực hiện

Khoản tiền cho thuê kênh nhận trước.

#### 18. Phải trả khác

##### 18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>584.370.272</i>	<i>723.030.000</i>
Thường Ban điều hành	550.000.000	700.000.000
Ông Lê Xuân Vinh - Cổ tức phải trả	-	23.030.000
Trung tâm Kinh doanh VNPT - Bình Dương - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông - Phải trả doanh thu dịch vụ phân chia	34.370.272	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>11.026.444.899</i>	<i>11.261.591.125</i>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	204.179.000	645.859.537
Cổ tức phải trả	8.373.420.300	8.276.505.150
Văn phòng điều hành NTT Vietnam Corporation tại Bình Dương - Doanh thu phân chia theo hợp đồng hợp tác phải trả	2.119.271.875	1.903.684.699
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	329.573.724	435.541.739
<b>Cộng</b>	<b>11.610.815.171</b>	<b>11.984.621.125</b>

##### 18b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả bên liên quan</i>	<i>19.800.000</i>	<i>19.800.000</i>
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương – Nhận ký quỹ dài hạn	19.800.000	19.800.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>8.086.116.426</i>	<i>6.636.057.021</i>
Nhận ký quỹ dài hạn khác	8.086.116.426	6.636.057.021
<b>Cộng</b>	<b>8.105.916.426</b>	<b>6.655.857.021</b>

##### 18c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

#### 19. Dự phòng phải trả

##### 19a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.189.455.267	2.243.920.197
Tăng do trích lập	-	2.130.386.215
Hoàn nhập dự phòng	(1.202.631.037)	(2.152.665.450)
Số sử dụng	(5.372.222)	(129.062.549)
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	317.680.600	96.876.854
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.299.132.608</b>	<b>2.189.455.267</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 19b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	446.333.081	390.914.635
Tăng do trích lập	182.257.200	152.295.300
Số sử dụng	(19.258.681)	-
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	(317.680.600)	(96.876.854)
Số cuối năm	291.651.000	446.333.081

#### 20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	2.267.963.234	1.806.951.813
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	3.312.928.776	2.684.290.586
Tăng khác	5.400.000	-
Chi quỹ	(2.990.004.200)	(2.223.279.165)
Số cuối năm	2.596.287.810	2.267.963.234

#### 21. Vốn chủ sở hữu

##### 21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

##### 21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	178.446.000.000	178.446.000.000
Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
Các cổ đông khác	168.829.000.000	168.829.000.000
Cộng	367.275.000.000	367.275.000.000

##### 21c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	36.727.500	36.727.500
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu phổ thông	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu phổ thông	36.727.500	36.727.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024 như sau:

	Số tiền (VND)
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 25.709.250.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	: 3.312.928.776
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 3.312.928.776
• Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	: 700.000.000
• Thưởng ban điều hành	: 550.000.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 225.162,56 USD (số đầu năm là 172.443,57 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	21.918.172.227	25.220.183.353
Doanh thu cung cấp dịch vụ	254.937.826.182	226.998.617.531
Doanh thu hợp đồng xây dựng	61.007.397.917	92.433.485.316
Doanh thu bất động sản	19.358.721.674	17.053.257.601
Cộng	357.222.118.000	361.705.543.801

Thông tin về doanh thu dịch vụ viễn thông được trình bày ở Phụ lục 03, 04, 05, 06, 07 và 08 đính kèm.

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP</b>		
Bán thiết bị	11.462.152.972	14.872.482.800
Cung cấp dịch vụ	5.700.775.924	5.434.301.733
Xây dựng công trình	20.175.703.570	18.331.741.437
<b>Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước</b>		
Bán thiết bị	-	101.780.000
Cung cấp dịch vụ	20.490.000	18.000.000
Xây dựng công trình	1.778.425.000	-
<b>Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương</b>		
Bán thiết bị	75.400.000	-
Cung cấp dịch vụ	832.890.350	123.745.000
Xây dựng công trình	-	2.920.862.600
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị</b>		
Bán thiết bị	-	863.636
Cung cấp dịch vụ	18.771.163	22.214.000
Xây dựng công trình	27.245.000	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b><i>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật</i></b>		
Bán thiết bị	118.580.000	82.781.364
Cung cấp dịch vụ	1.755.206.405	543.083.439
Xây dựng công trình	8.274.017.778	18.941.124.091
<b><i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương</i></b>		
Bán thiết bị	1.410.000	-
Cung cấp dịch vụ	767.851.978	128.500.000
<b><i>Trường Đại học Quốc tế Miền Đông</i></b>		
Bán hàng hóa	-	704.023.000
Cung cấp dịch vụ	648.664.790	531.488.678
Xây dựng công trình	-	177.161.000
<b><i>Công ty Cổ phần Dược Enlie</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	103.980.000	18.000.000
<b><i>Công ty TNHH Becamex Tokyu</i></b>		
Bán hàng hoá	-	38.963.636
Cung cấp dịch vụ	23.980.000	82.987.455
Xây dựng công trình	783.952.533	1.315.000.000
<b><i>Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	18.000.000	18.000.000
<b><i>Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex</i></b>		
Bán hàng hoá	-	524.722.636
Cung cấp dịch vụ	156.878.000	237.600.000
Xây dựng công trình	177.359.101	313.398.000
<b><i>Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	280.007.999	119.028.000
Xây dựng công trình	4.000.000	59.710.000
<b><i>Công ty Cổ phần SetiaBecamex</i></b>		
Cung cấp dịch vụ	2.325.003	-
Xây dựng công trình	-	19.333.397.120
<b><i>Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore</i></b>		
Bán hàng hoá	396.733.000	265.837.000
Cung cấp dịch vụ	1.266.642.834	150.000.000
Xây dựng công trình	737.852.000	8.680.715.636
<b><i>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước</i></b>		
Bán hàng hoá	113.778.000	200.605.067
Cung cấp dịch vụ	626.245.030	292.105.614
Xây dựng công trình	24.374.000	18.449.927.632

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Becamex Bình Định</b>		
Cung cấp dịch vụ	508.538.333	15.745.000
Xây dựng công trình	5.038.653.058	823.978.000
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Đông Sài Gòn</b>		
Bán thiết bị	8.230.000	-
Cung cấp dịch vụ	248.880.000	256.000.000
<b>Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex</b>		
Bán thiết bị	11.832.000	417.850.000
Cung cấp dịch vụ	528.899.114	360.484.303
Xây dựng công trình	310.864.000	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Becamex - Vsip</b>		
Bán thiết bị	767.853.364	-
Cung cấp dịch vụ	106.275.771	-
Xây dựng công trình	10.208.381.130	-
<b>Trung tâm Kinh doanh VNPT - Bình Dương - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông</b>		
Bán thiết bị	80.000	80.000
Cung cấp dịch vụ	5.090.569.244	4.300.253.909
<b>Viễn thông Bình Dương</b>		
Cung cấp dịch vụ	3.192.821.249	3.100.961.377
Xây dựng công trình	-	61.572.500
<b>Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương</b>		
Cung cấp dịch vụ	48.756.472	32.669.087
<b>Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu</b>		
Bán thiết bị	-	80.000
Cung cấp dịch vụ	5.160.000	130.364.261
Xây dựng công trình	125.117.779	-
<b>Công ty TNHH MTV Aspire</b>		
Cung cấp dịch vụ	61.407.952	60.780.070
<b>Công ty Cổ phần Câu lạc bộ Bóng đá Becamex Bình Dương</b>		
Bán thiết bị	-	80.000
Cung cấp dịch vụ	40.800.000	89.535.000
<b>Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam - Singapore</b>		
Cung cấp dịch vụ	31.473.605	53.104.959
<b>Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Nhựa Bình Dương</b>		
Bán thiết bị	890.000	-
Cung cấp dịch vụ	33.818.000	34.708.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Điện lực Becamex Bình Phước</b>		
Cung cấp dịch vụ	50.640.000	28.880.000
<b>Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex</b>		
Bán thiết bị	-	381.400.000
Cung cấp dịch vụ	38.500.000	132.000.000
<b>Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên Kiên Giang - Becamex</b>		
Bán thiết bị	-	52.220.000
Cung cấp dịch vụ	48.970.703	49.071.286
<b>Công ty TNHH MTV Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Định</b>		
Cung cấp dịch vụ	16.587.393	-
<b>Công ty TNHH BW Supply Chain City</b>		
Cung cấp dịch vụ	35.156.667	52.244.117
<b>Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - Xí nghiệp Bê tông Trộn sẵn Mỹ Phước</b>		
Cung cấp dịch vụ	90.402.727	70.360.000
<b>Công ty TNHH MTV Phát triển Công nghiệp BW Hải Phòng</b>		
Cung cấp dịch vụ	16.200.000	32.400.000
<b>Công ty Cổ phần VSIP Cần Thơ</b>		
Xây dựng công trình	156.253.000	-
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	21.703.009.095	26.048.844.751
Giá vốn cung cấp dịch vụ	149.388.070.370	148.524.576.325
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	56.544.751.043	91.863.140.749
Giá vốn của kinh doanh bất động sản	11.916.954.554	10.286.805.112
<b>Cộng</b>	<b>239.552.785.062</b>	<b>276.723.366.937</b>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.183.345.201	5.006.812.102
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	27.247.207	19.165.600
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	412.168.280	23.538.756
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	58.550.230	-
<b>Cộng</b>	<b>5.681.310.918</b>	<b>5.049.516.458</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	-	238.983.754
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	8.770.641
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	1.618.561
Chi phí tài chính khác	1.468.737	63.294
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) tổn thất đầu tư	(1.384.353.714)	6.471.997.572
<b>Cộng</b>	<b>(1.382.884.977)</b>	<b>6.721.433.822</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.619.225.661	12.961.520.785
Chi phí khấu hao	128.136.982	32.046.049
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	291.224.004	234.806.001
Chi phí dịch vụ mua ngoài	642.200.861	704.241.535
Chi phí khác	3.385.625.870	2.505.496.762
<b>Cộng</b>	<b>18.066.413.378</b>	<b>16.438.111.132</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	19.059.655.659	13.410.100.662
Chi phí vật liệu quản lý	425.244.180	628.666.288
Chi phí đồ dùng văn phòng	781.625.910	377.588.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.723.818.230	1.519.195.342
Dự phòng phải thu khó đòi	195.712.929	309.008.787
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.524.180.617	5.192.612.794
Chi phí khác	9.501.229.307	3.628.634.953
<b>Cộng</b>	<b>33.211.466.832</b>	<b>25.065.806.826</b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	928.324.210
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	2.189.455.267	2.152.665.450
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	31.800.000	137.523.840
Thu nhập khác	94.949.859	367.294.069
<b>Cộng</b>	<b>2.316.205.126</b>	<b>3.585.807.569</b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí tài sản bị hỏng do thiên tai	-	798.937.720
Phạt chậm nộp ngân sách nhà nước	47.669.656	-
Chi phí khác	201.766.821	394.459.780
<b>Cộng</b>	<b>249.436.477</b>	<b>1.193.397.500</b>

**9. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	89.413.268.276	61.237.190.312
Chi phí nhân công	67.592.955.014	60.320.538.435
Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.239.578.906	35.043.788.815
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.104.243.907	85.433.392.830
Chi phí khác	32.172.645.208	30.484.000.666
<b>Cộng</b>	<b>300.522.691.311</b>	<b>272.518.911.058</b>

#### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả mua sắm tài sản cố định	6.303.967.211	473.173.057
Ứng trước mua sắm tài sản cố định	-	178.647.120

#### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

##### 1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	17.333.420.000	19.809.365.625
Trên 01 năm đến 05 năm	11.535.540.000	29.237.569.375
<b>Cộng</b>	<b>28.868.960.000</b>	<b>49.046.935.000</b>

##### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh giao dịch chia cổ tức với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Ông Lê Xuân Vinh	23.030.000	23.030.000
Ông Nguyễn Bá Thước	21.000.000	21.000.000

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày ở các thuyết minh số V.5a và V.18a.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
<b>Năm nay</b>				
Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	160.000.000	160.000.000
Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	625.200.000	629.727.500	130.000.000	1.384.927.500
Bà Võ Thị Thanh Hương - Thành viên tịch Hội đồng quản trị	-	-	130.000.000	130.000.000
Ông Quảng Văn Viết Cương - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	130.000.000	130.000.000
Ông Nguyễn Bá Thước - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	130.000.000	130.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Trưởng Ban kiểm soát	-	-	130.000.000	130.000.000
Ông Nguyễn Hải Hoàng - Kiểm soát viên	-	-	80.000.000	80.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Trà - Kiểm soát viên	-	-	80.000.000	80.000.000
Ông Lê Xuân Vinh - Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2025)	390.600.000	410.899.170	-	801.499.170
Ông Lai Xuân Nghĩa - Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2024)	292.950.000	249.127.153	-	542.077.153
Ông Nguyễn Văn Phúc - Kế toán trưởng	516.800.000	503.064.660	-	1.019.864.660
Ông Nguyễn Châu Thanh Hiền - Phó Tổng Giám đốc	96.000.000	90.880.000	-	186.880.000
<b>Cộng</b>	<b>1.921.550.000</b>	<b>1.883.698.483</b>	<b>970.000.000</b>	<b>4.775.248.483</b>
<b>Năm trước</b>				
Ông Dương Ngọc Hoàng Vũ - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	70.000.000	70.000.000
Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	550.000.000	266.000.000	118.000.000	934.000.000
Bà Võ Thị Thanh Hương - Thành viên tịch Hội đồng quản trị	-	-	109.000.000	109.000.000
Ông Quảng Văn Viết Cương - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	109.000.000	109.000.000
Ông Nguyễn Bá Thước - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	109.000.000	109.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Trưởng Ban kiểm soát	-	-	109.000.000	109.000.000
Ông Nguyễn Hải Hoàng - Kiểm soát viên	-	-	68.000.000	68.000.000
Ông Nguyễn Thị Thanh Trà - Kiểm soát viên	-	-	35.000.000	35.000.000
Ông Lê Xuân Vinh - Phó Tổng Giám đốc	390.600.000	212.923.305	-	603.523.305
Ông Lai Xuân Nghĩa - Phó Tổng Giám đốc	390.600.000	218.538.500	-	609.138.500
Ông Nguyễn Văn Phúc - Kế toán trưởng	471.200.000	260.364.520	-	731.564.520
Ông Giang Quốc Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 4 năm 2023)	-	-	72.000.000	72.000.000
Ông Lê Đức Thịnh - Kiểm soát viên (Miễn nhiệm từ ngày 12 tháng 4 năm 2023)	-	-	33.000.000	33.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.802.400.000</b>	<b>957.826.325</b>	<b>832.000.000</b>	<b>3.592.226.325</b>



**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

41



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng - BB06	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Bàu Bàng - BB01	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty TNHH Phát triển Công nghiệp BW Mỹ Phước 3	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Công nghiệp BW
Công ty TNHH MTV Aspire	Công ty con của trường Đại học Quốc tế Miền Đông
Công ty Cổ phần Phát triển Giáo dục Miền Đông	Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
Công ty TNHH Xe buýt Becamex Tokyu	Công ty con của Công ty TNHH Becamex Tokyu
Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Định	Công ty con của Công ty Cổ phần Becamex Bình Định
Công ty Cổ phần Điện lực Becamex Bình Phước	Công ty con của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước
Công ty TNHH MTV Hỗ trợ khởi nghiệp Becamex IDC – Block 71	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Câu lạc bộ Bóng đá Becamex Bình Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi	Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
Công ty Cổ phần Giải pháp Năng lượng Thông minh Việt Nam – Singapore	Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Becamex - Vsip	Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
Công ty Cổ phần VSIP Cần Thơ	Công ty liên kết của Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP
Trung tâm Kinh doanh VNPT - Bình Dương - Chi nhánh	Công ty có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị
Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	Công ty có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị
Viễn thông Bình Dương	

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh VI.1b, Công ty còn phát sinh thêm giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP</b>		
Chia cổ tức	12.491.220.000	12.491.220.000
Phí quản lý và duy tu cơ sở hạ tầng	182.568.867	86.119.760
Thuế chuyển nhượng bất động sản	55.041.700	-
<b>Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương</b>		
Mua nguyên vật liệu	-	2.629.630
Mua bất động sản	9.168.785.178	-
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật</b>		
Chia cổ tức	1.190.000.000	1.190.000.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
<b>Trường Đại học Quốc tế Miền Đông</b>		
Chi phí tiền điện	33.856.753	-
<b>Công ty TNHH Becamex Tokyu</b>		
Tiền điện và tiền thuê phòng phải trả	50.373.865	166.503.946
<b>Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex</b>		
Phí dịch vụ	250.520.295	40.129.601
<b>Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex</b>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	413.615.483	321.764.466
<b>Công ty Cổ phần SetiaBecamex</b>		
Phí dịch vụ	58.289.398	49.972.066
<b>Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore</b>		
Phí dịch vụ	1.297.507.999	1.257.009.842
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước</b>		
Doanh thu phân chia dịch vụ	336.719.293	289.831.523
Chi phí thuê nhà	60.000.000	60.000.000
<b>Công ty Cổ phần Becamex Bình Định</b>		
Cho thuê bất động sản, mặt bằng	76.275.666	-
Phí dịch vụ	100.293.962	62.897.812
<b>Chi nhánh Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương - Xí nghiệp Bê tông Trộn sẵn Mỹ Phước</b>		
Mua vật tư	426.258.334	203.712.631
Chi phí tiền nước	140.977.000	-
<b>Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex</b>		
Chi phí công tác	252.661.485	317.793.022
<b>Trung tâm Kinh doanh VNPT - Bình Dương - Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông</b>		
Cho thuê bất động sản, mặt bằng	1.183.636	1.145.454
Phải trả doanh thu phân chia theo hợp đồng hợp tác	34.993.293.989	33.861.533.295
Mua phí dịch vụ	102.388.556	254.092.764
<b>Viễn thông Bình Dương</b>		
Mua nguyên vật liệu	21.432.380	41.274.500
Cho thuê bất động sản, mặt bằng	227.518.170	-
Chi phí phân chia theo hợp đồng hợp tác	774.215.972	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH MTV WTC Bình Dương</b>		
Mua phí dịch vụ	60.850.000	86.440.000
<b>Công ty TNHH MTV Aspire</b>		
Mua phí dịch vụ	396.916.264	6.000.000
<b>Công ty Cổ phần Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Becamex</b>		
Cho thuê bất động sản, mặt bằng	36.758.784	44.489.728
Mua phí dịch vụ	392.308.000	383.120.000
<b>Công ty TNHH BW Supply Chain City</b>		
Cho thuê bất động sản, mặt bằng	7.426.829.080	7.081.789.318
<b>Công ty Liên doanh TNHH SinViet</b>		
Mua phí dịch vụ	140.977.000	116.713.000
<b>Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam</b>		
Chia cổ tức	1.400.000.000	1.400.000.000

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.12 và V.18.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

### 3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

#### 3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Cung cấp dịch vụ.
- Lĩnh vực 02: Xây dựng công trình.
- Lĩnh vực 03: Kinh doanh bất động sản.
- Lĩnh vực 04: Các lĩnh vực khác (bán hàng hóa)

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

#### 3b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2025

  
Vi Ngọc Đại  
Người lập

  
Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng



  
Phạm Tuấn Anh  
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND					
Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	367.275.000.000	(382.600.000)	39.544.795.990	35.555.305.979	442.431.787.029
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	35.330.995.777	35.330.995.777
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	3.355.363.232	(6.039.653.818)	(2.684.290.586)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(25.709.250.000)	(25.709.250.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, thưởng Ban điều hành	-	-	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
Số dư cuối năm trước	367.275.000.000	(382.600.000)	42.900.159.222	37.737.397.938	447.969.242.220
Số dư đầu năm nay	367.275.000.000	(382.600.000)	42.900.159.222	37.737.397.938	447.969.242.220
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	60.406.299.886	60.406.299.886
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	3.312.928.776	(6.625.857.552)	(3.312.928.776)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	(25.709.250.000)	(25.709.250.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thưởng Ban điều hành	-	-	-	(1.250.000.000)	(1.250.000.000)
Số dư cuối năm nay	367.275.000.000	(382.600.000)	46.213.087.998	64.558.590.272	478.103.363.330

Vi Ngọc Đại  
Người lập

Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2025



Phạm Tuấn Anh  
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Năm nay	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ		Lĩnh vực xây dựng công trình		Lĩnh vực kinh doanh bất động sản		Các lĩnh vực khác		Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	254.937.826.182		61.007.397.917		19.358.721.674		21.918.172.227		357.222.118.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-		-		-		-		-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	254.937.826.182		61.007.397.917		19.358.721.674		21.918.172.227		357.222.118.000
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	105.549.755.812		4.462.646.874		7.441.767.120		215.163.132		117.669.332.938
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận									(51.277.880.210)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh									66.391.452.728
Doanh thu hoạt động tài chính									5.681.310.918
Chi phí tài chính									1.382.884.977
Thu nhập khác									2.316.205.126
Chi phí khác									(249.436.477)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành									(15.116.117.386)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại									-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp									60.406.299.886
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	23.757.206.624		5.685.171.870		1.804.005.148		2.042.515.833		33.288.899.474
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	24.512.074.342		5.865.814.012		1.861.326.081		2.107.415.267		34.346.629.702
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-		(1.202.631.037)		-		-		(1.202.631.037)



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực xây dựng công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	226.998.617.531	92.433.485.316	17.053.257.601	25.220.183.353	361.705.543.801
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	226.998.617.531	92.433.485.316	17.053.257.601	25.220.183.353	361.705.543.801
Kết quả kinh doanh theo bộ phận					
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	78.474.041.206	570.344.567	6.766.452.489	(828.661.398)	84.982.176.864
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(41.503.917.958)
Doanh thu hoạt động tài chính					43.478.258.906
Chi phí tài chính					5.049.516.458
Thu nhập khác					(6.721.433.822)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					3.585.807.569
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(1.193.397.500)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(8.867.755.834)
					-
					35.330.995.777
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	12.000.197.026	4.886.461.634	901.514.086	1.333.255.562	19.121.428.308
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	26.515.347.058	10.797.008.235	1.991.963.866	2.945.929.459	42.250.248.618
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	2.591.690.302	-	-	2.591.690.302



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực xây dựng công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số cuối năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	91.982.218.561	46.062.709.520	22.623.496.345	-	160.668.424.426
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	417.155.315.783
<b>Tổng tài sản</b>					<b>577.823.740.209</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	14.212.521.836	1.590.783.608	-	-	15.803.305.444
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	83.917.071.435
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>99.720.376.879</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	62.500.226.930	23.979.328.481	33.707.417.199	-	120.186.972.610
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	410.451.212.178
<b>Tổng tài sản</b>					<b>530.638.184.788</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	13.903.091.960	2.635.788.348	-	-	16.538.880.308
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	66.130.062.260
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>82.668.942.568</b>

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh  
Tổng Giám đốc

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ &amp; TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 03: Thuyết minh doanh thu dịch vụ viễn thông

Đơn vị tính: VND

ST.T	Mã nhóm dịch vụ	Tên nhóm dịch vụ	Thị công văn hành điện, điện tử, hệ tăng viễn thông, bán lẻ thiết bị	Giải pháp thông minh	Doanh thu bất động sản	Bộ phận - Pop VSP Bình Định	Bộ phận - Pop Bình Phước	Bộ phận - Pop VSP Hải Phòng	Bộ phận - Pop VSP Nghệ An	Bộ phận - Pop VSP Quảng Ngãi	Bộ phận - Chi nhánh Trung tâm dịch vụ Viễn thông	Tổng doanh thu các bộ phận kinh doanh dịch vụ viễn thông	Doanh thu dịch vụ DC (Trung tâm dữ liệu)	Tổng doanh thu trên Báo cáo tài chính năm 2024(1)	Doanh thu hợp tác với đối tác Nhật Bản NTT (2)	Doanh thu dịch vụ viễn thông (3)= (1)+(2)
1	BACK	Dịch vụ Cloud Backup											137.329.667			
2	BAN	Bán lẻ, cho thuê hàng hóa thiết bị, vật tư	22.087.973.993								119.420.000	119.420.000		22.207.393.993		
3	BAOTR	Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, vận hành	3.714.332.770											3.714.332.770		
4	BDS	Kinh doanh bất động sản			19.358.721.674									19.358.721.674		
5	COL	Dịch vụ Colocation.						13.200.000		9.000.000	40.376.000	40.376.000	23.395.064.741	23.435.440.741		
6	CWF	Dịch vụ cloud wifi									805.855.000	828.055.000		828.055.000	828.055.000	1.656.110.000
7	DL	Hoa hồng đại lý									33.379.736	33.379.736		33.379.736		
8	DSER	Dịch vụ Dedicated Server									60.000.000	60.000.000	95.880.000	155.880.000		
9	GPTM-PM	Trên khai phần mềm (Phần mềm VNNTT tư SX) và dịch vụ phần mềm kèm theo		1.800.000.000										1.800.000.000		
10	GPTM-TC	Giải pháp thông minh (bao gồm thi công lắp đặt và triển khai giải pháp)		1.850.000.000										1.850.000.000		
11	HM	Phi hòa mạng			15.018.985	57.568.127		29.499.982	8.463.629	14.868.169	1.301.901.815	1.427.320.707		1.427.320.707	187.636.234	1.614.956.941
12	HMBD	Phi hòa mạng - Bình Dương									7.636.356	7.636.356		7.636.356		7.636.356
13	HOST	Dịch vụ Hosting											433.898.991	433.898.991		
14	IBS	Dịch vụ cho thuê kết nối hệ thống IBS									78.809.798	78.809.798	948.858.753	1.027.668.551		
15	IN	Dịch vụ kết nối Internet			147.372.871			4.428.732.895	2.694.360.189	3.351.601.136	85.651.800.286	98.682.686.876		98.682.686.876	15.300.172.509	113.982.859.385
16	IN.LEA	Dịch vụ internet trực (Internet Leasline)			550.000.000			2.770.270.001	9.181.853.498	3.071.166.667	12.216.775.578	28.246.065.744		28.246.065.744		28.246.065.744
17	IP	Dịch vụ cho thuê IP						162.415.323	21.336.953	57.818.172	689.123.733	930.694.181	4.999.995	935.694.176		935.694.176
18	KR	Dịch vụ Kênh thuê riêng				480.795.733		485.000.000	1.255.582.133		8.757.391.070	10.978.768.936	17.160.959.689	28.139.728.625		28.139.728.625
19	LD	Phi lắp đặt			30.272.727	60.917.810		60.425.772	513.085.000	85.715.908	1.183.706.885	1.934.124.102		1.934.124.102	12.227.338	1.946.351.430
20	MB	Cho thuê mặt bằng									5.352.696.893	5.352.696.893		5.352.696.893		
21	THICON	Thu công dự án, công trình	58.556.685.717								56.606.463	56.606.463		58.556.685.717		
22	THUEDIEN	Thu hộ tiền điện	10.758.132											67.364.595		
23	THUEVP	Cho thuê văn phòng											208.856.250	208.856.250		
24	TSL	Dịch vụ truyền số liệu												46.283.237.927		46.283.237.927
25	TV	Dịch vụ truyền hình												998.774.919		998.774.919
26	VA	Dịch vụ giá trị gia tăng	50.065.000											50.065.000		
27	VOT	Dịch vụ thoại			21.927.595	41.521.516		469.665.899	36.830.879	80.210.072	1.861.796.825	2.511.952.786		2.511.952.786		2.511.952.786
28	VP	Dịch vụ cho thuê máy chủ ảo									29.150.000	29.150.000	7.844.865.626	7.874.015.626		
29	VTTB	Thiết bị, vật tư, khác			790.000	9.080.000		50.029.635	17.083.727	2.947.727	883.179.489	963.110.578		963.110.578		
		Tổng cộng	84.419.815.612	3.650.000.000	19.358.721.674	765.382.178	3.515.353.770	11.083.925.974	13.728.596.008	7.429.556.937	163.040.082.135	199.562.867.002	50.230.713.712	357.222.118.000	16.328.091.071	226.323.368.289

Vi Ngọc Đại  
Người lậpNguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Phụ lục 04: So sánh doanh thu thực tế và doanh thu báo cáo cục viễn thông**

Đơn vị tính: triệu VND

STT	QUÝ	SỐ BÁO CÁO NĂM 2024	SỐ THỰC TẾ NĂM 2024	CHÊNH LỆCH (TT-BC)	GHI CHÚ
1	Q1/2024	36.064			
2	Q2/2024	37.574			
3	Q3/2024	37.693			
4	Q4/2024	51.185			
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>162.516</b>	<b>167.012</b>	<b>4.496</b>	<b>-</b>

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2025



Vi Ngọc Đại  
Người lập



Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng



Phạm Tuấn Anh  
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 05: Báo cáo quyết toán phí cung cấp dịch vụ viễn thông

Đơn vị tính: VND

STT	Đối tượng	Tỷ lệ đóng góp	Doanh thu dịch vụ viễn thông thực hiện	Số phải nộp	Số đã nộp	Số còn phải nộp	Ghi chú
1	2	3	4	5=3*4	6	7=5-6	8
1.1	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông và có hạ tầng mạng	0,5%	167.012.000.000	835.060.000	812.580.000	22.480.000	
2	Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ điện thoại quốc tế chiều về nhưng không có giấy phép thiết lập mạng viễn thông	0,5%					
	Tổng cộng		167.012.000.000	835.060.000	812.580.000	22.480.000	

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng

Vi Ngọc Đại  
Người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Phụ lục 06: Báo cáo nghiệp vụ thuyết minh doanh thu khách hàng

Đơn vị tính: Triệu VND

STT	Tên dịch vụ viễn thông (*)	Doanh thu lắp đặt/doanh thu hòa mạng	Doanh thu thuê bao	Doanh thu thông tin	Tổng	Ghi chú
1	Dịch vụ viễn thông cố định mặt đất	3.569	145.820	76.935	226.323	
1.1	Dịch vụ cơ bản	-	999	76.935	77.934	
a	Dịch vụ điện thoại			2.512	2.512	
b	Dịch vụ truyền số liệu			46.283	46.283	
c	Dịch vụ truyền hình ảnh		999		999	
d	Dịch vụ hội nghị truyền hình				-	
đ	Dịch vụ kênh thuê riêng			28.140	28.140	
e	Dịch vụ mạng riêng ảo				-	
1.2	Dịch vụ giá trị gia tăng	3.569	144.821	-	148.390	
a	Dịch vụ thư điện tử				-	
b	Dịch vụ thư thoại				-	
c	Dịch vụ fax giá tăng giá trị				-	
d	Dịch vụ truy nhập Internet	3.569	144.821		148.390	
1.3	Dịch vụ cộng thêm				-	
2	Dịch vụ thông tin di động mặt đất	-	-	-	-	
2.1	Doanh thu từ dịch vụ thông tin di động mặt đất theo hình thức trả sau	-	-	-	-	
2.1.1	Dịch vụ cơ bản	-	-	-	-	
a	Dịch vụ điện thoại				-	
b	Dịch vụ nhắn tin				-	
2.1.2	Dịch vụ giá trị gia tăng	-	-	-	-	
a	Dịch vụ truy nhập Internet				-	
2.1.3	Dịch vụ cộng thêm				-	
2.2	Doanh thu từ dịch vụ thông tin di động mặt đất theo hình thức trả trước	-	-	-	-	
2.2.1	Dịch vụ cơ bản	-	-	-	-	
a	Dịch vụ điện thoại				-	
b	Dịch vụ nhắn tin				-	
2.2.2	Dịch vụ giá trị gia tăng	-	-	-	-	
a	Dịch vụ truy nhập Internet				-	
2.2.3	Dịch vụ cộng thêm				-	
3	Dịch vụ viễn thông cố định vệ tinh				-	
4	Dịch vụ viễn thông di động vệ tinh				-	
5	Dịch vụ viễn thông di động hàng hải				-	
6	Dịch vụ viễn thông di động hàng không				-	
	<b>Tổng</b>	<b>3.569</b>	<b>145.820</b>	<b>76.935</b>	<b>226.323</b>	

(\*) Tên dịch vụ viễn thông bao gồm các dịch vụ viễn thông được liệt kê tại Thông tư số 05/2012/TT-BTTTT ngày 18 tháng 05 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về phân loại dịch vụ viễn thông

Tôi cam đoan các số liệu, tài liệu kê khai này là đúng và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu, tài liệu đã kê khai/.

Vi Ngọc Đại  
Người lập

Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2025



Phạm Tuấn Anh  
Tăng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Phụ lục 07: Báo cáo nghiệp vụ thuyết minh doanh thu trong nước và chênh lệch thanh toán trong nước**

Đơn vị tính: Triệu VND

STT	Tên dịch vụ viễn thông (*)	Doanh thu (1)	Chi phí (2)	Chênh lệch (1) – (2)	Ghi chú
1	Dịch vụ viễn thông cố định mặt đất	-	59.311	(59.311)	
a	Dịch vụ điện thoại	-	1.578	(1.578)	
b	Dịch vụ truyền số liệu	-	9.878	(9.878)	
c	Dịch vụ truyền hình ảnh	-	260	(260)	
d	Dịch vụ hội nghị truyền hình	-	-	-	
đ	Dịch vụ kênh thuê riêng	-	5.487	(5.487)	
e	Dịch vụ kết nối Internet	-	42.108	(42.108)	
2	Dịch vụ thông tin di động mặt đất	-	-	-	
2.1	Dịch vụ cơ bản	-	-	-	
a	Dịch vụ điện thoại	-	-	-	
b	Dịch vụ nhắn tin	-	-	-	
2.2	Dịch vụ giá trị gia tăng	-	-	-	
a	Dịch vụ truy nhập Internet	-	-	-	
2.3	Dịch vụ công thêm	-	-	-	
3	Dịch vụ viễn thông cố định vệ tinh	-	-	-	
4	Dịch vụ viễn thông di động vệ tinh	-	-	-	
5	Dịch vụ viễn thông di động hàng hải	-	-	-	
6	Dịch vụ viễn thông di động hàng không	-	-	-	
	<b>Tổng (4)</b>	<b>-</b>	<b>59.311</b>	<b>(59.311)</b>	

(4) Đối với cột chênh lệch, ghi giá trị âm trong trường hợp tổng số tiền phải thu nhỏ hơn tổng số tiền phải trả khi thanh toán giá cước với các doanh nghiệp viễn thông.

(\*) Tên dịch vụ viễn thông bao gồm các dịch vụ viễn thông được liệt kê tại Thông tư số 05/2012/TT-BTTTT ngày 18 tháng 05 năm 2012 của Bộ trưởng

Bộ Thông tin và Truyền thông về phân loại dịch vụ viễn thông

Tôi cam đoan các số liệu, tài liệu kê khai này là đúng và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu, tài liệu đã kê khai./.

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2025

Vi Ngọc Đại  
Người lậpNguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởngPhạm Tuấn Anh  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024


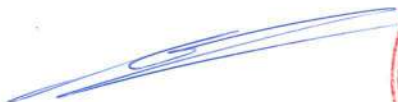
**Phụ lục 08: Báo cáo nghiệp vụ thuyết minh doanh thu dịch vụ viễn thông**

Đơn vị tính: Triệu VND

Doanh thu khách hàng (1)	Chênh lệch thanh toán trong nước (2)	Chênh lệch thanh toán quốc tế (3)	Doanh thu công ích (4)	Tổng
226.323	(59.311)			167.012

*Tôi cam đoan các số liệu, tài liệu kê khai này là đúng và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu, tài liệu đã kê khai./.*

Bình Dương, ngày 26 tháng 3 năm 2025

  
Vi Ngọc Đại  
Người lập  
Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng